

**TÒA ÁN QUÂN SỰ
KHU VỰC 1 - QUÂN KHU 2**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HS-ST
Ngày 25 - 4 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC 1 - QUÂN KHU 2

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: 4/ Nguyễn Bá Hùng.

Các Hội thẩm quân nhân:

3// Đặng Hoa Bắc;

3/ Hà Trọng Thân.

- Thư ký phiên tòa: 1/ Phạm Minh Thắng, Thư ký Tòa án quân sự Khu vực 1 - Quân khu 2.

- Đại diện Viện kiểm sát quân sự Khu vực 22 tham gia phiên tòa: 4/ Trịnh Đình Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019, tại Phòng xử án Tòa án quân sự Khu vực 1 - Quân khu 2 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2019/TLST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Hoàng Văn T; sinh ngày 08 tháng 01 năm 1989 tại huyện TY, tỉnh Yên Bái; nơi cư trú: Thôn ĐS, xã BĐ, huyện TY, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Hoàng Thị Tâm; không có vợ, con; tiền án: Không; có 01 tiền sự: Ngày 28/9/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 12 tháng; bị tạm giữ từ ngày 10/10/2018, tạm giam từ ngày 18/10/2018 đến ngày 28/12/2018 được tại ngoại; bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/12/2018; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Lương Thị Ngọc P, Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Yên Bái; có mặt.

- Bị hại:

+/ Tổng Công ty Cổ phần Công trình V - Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Q.

Đại diện: 2// Phạm Văn S; chức vụ, đơn vị: Cán bộ bảo vệ an ninh, Tổng Công ty Cổ phần Công trình V - Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Q, được Tổng Giám đốc ủy quyền; có mặt.

+/ Tổng Công ty Viễn thông M.

Đại diện: Ông Nguyễn Thành T; chức vụ, đơn vị: Trưởng Đài viễn thông VP - Trung tâm mạng lưới M miền Bắc - Tổng Công ty Viễn thông M, được Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm mạng lưới M miền Bắc ủy quyền lại (được sự đồng ý của Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng Công ty); vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Tạ Văn C; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 04 giờ 00' ngày 10/10/2018, khi đang tuần tra tại khu vực thôn CC, xã VH, thành phố LC, tỉnh Lào Cai; Công an thành phố Lào Cai phát hiện Hoàng Văn T điều khiển xe mô tô BKS 24K8-3047 chở Bùi Văn B (trú tại bản K, xã TL, huyện VC, tỉnh Yên Bái) có dấu hiệu khả nghi nên đã yêu cầu dừng xe để kiểm tra. Bùi Văn B nhảy xuống xe chạy thoát, Hoàng Văn T bị bắt giữ cùng một bao tải chứa 57 đoạn dây cáp đồng trục.

Quá trình điều tra, Hoàng Văn T khai nhận, từ ngày 25/9/2018 đến ngày 06/10/2018, T và B cùng nhau thực hiện 05 vụ trộm cắp dây cáp truyền tín hiệu của các trạm BTS của Tổng Công ty Cổ phần Công trình V (V) và Tổng Công ty Viễn thông M (M) trên địa bàn thành phố LC, tỉnh Lào Cai, cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng 21h00' ngày 25/9/2018, khi đi đến Trạm BTS LCI0352 của V đặt tại tổ 13, phường BM; T đứng ở dưới chân cột cảnh giới còn B trèo lên dùng kìm và dao cắt 04 đầu dây cáp Feeder trên cột thu, phát sóng rồi trèo xuống, đi theo thang đỡ cáp dùng kìm và dao tiếp tục cắt 04 đầu dây cáp Feeder tại nhà trạm. 04 dây Feeder có tổng chiều dài là 48m. Sau đó, B dùng dao cắt ngắn số dây trên thành từng đoạn từ 50-60cm, T cùng B cho vào bao tải và mang đến khu vực bãi đổ đất Công ty số 6 thuộc tổ 2, phường BM, thành phố LC để đốt lấy lõi đồng.

Lần thứ hai: Cũng với hành vi tương tự, khoảng 01h00' ngày 30/9/2018, khi đi đến khu vực đặt Trạm BTS LC_LCI_BAC_CUÔNG_3 của M thuộc tổ 17, phường BC; Thành đứng dưới chân cột thu, phát sóng cảnh giới, B dùng kìm và dao cắt được 06 dây Feeder nối từ cột thu, phát sóng đến nhà trạm có tổng chiều dài là 138m. B dùng dao cắt thành từng đoạn ngắn, T cho vào bao tải và mang đến sân quán MC đã bị phá dỡ thuộc tổ 14, phường BC, thành phố LC đốt lấy lõi đồng.

Lần thứ ba: Khoảng 23h00' ngày 03/10/2018, khi đi đến Trạm BTS LCI0007 của V đặt tại khu thương mại KT, phường DH; Thành đứng ở xe mô tô chờ ngoài đường để cảnh giới, còn B đi lên trạm BTS dùng kìm và dao cắt 03 dây cáp Feeder nối từ cột thu, phát sóng đến nhà trạm có tổng chiều dài 60m,

gập lại cho vào bao tải. Sau đó, T và B đem số dây lấy được đến sân quán MC đã bị phá dỡ thuộc tổ 14, phường BC, thành phố LC đốt lấy lõi đồng.

Lần thứ tư: Khoảng 22h00' ngày 05/10/2018, tại Trạm BTS LC_LCI_BAN_PHIET_2 của M đặt tại tổ 11, phường LC; T đứng dưới chân cột thu, phát sóng cảnh giới, B dùng dao và kìm cắt 04 dây Feeder nối từ cột thu, phát sóng đến nhà trạm có tổng chiều dài 92m. Sau đó, T và B dùng dao cắt số dây trên thành nhiều đoạn ngắn từ 50-60cm, cho vào bao tải, mang đến khu vực bãi rác ĐT thuộc thôn 1, xã ĐT, thành phố LC đốt lấy lõi đồng.

Lần thứ năm: Khoảng 22h00' ngày 06/10/2018, tại Trạm BTS LCI0352 của V đặt tại tổ 13, phường BM, T đứng dưới chân cột để cảnh giới, B dùng dao và kìm cắt 06 dây cáp Feeder nối từ cột đến nhà trạm với tổng chiều dài là 66m. Sau đó, T kéo 02 dây, B kéo 04 dây xuống đường, dùng dao cắt thành nhiều đoạn ngắn, cho vào bao tải mang đến khu vực bãi đổ đất Công ty số 6 thuộc tổ 2, phường BM, thành phố LC để đốt lấy lõi đồng.

Cả 05 lần trên, Hoàng Văn T và Bùi Văn B đều mang lõi đồng đi bán cho ông Tạ Văn C, có địa chỉ tại số nhà 22, tổ 22, phường BM, thành phố LC được tổng cộng 7.200.000đ.

Ngoài 05 lần thực hiện hành vi trộm cắp các dây Feeder của V và M trên địa bàn thành phố LC, Hoàng Văn T còn có 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp dây Feeder của nhà mạng M và V trên địa bàn huyện BT và huyện BX, tỉnh LC; hiện đang được các cơ quan tổ tụng huyện BT và huyện BX, tỉnh Lào Cai giải quyết, chưa có kết quả.

Tại các Biên bản khám nghiệm hiện trường là các trạm BTS của V do Cơ quan cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an thành phố Lào Cai lập ngày 06, 08/10/2018 thể hiện:

Tại trạm BTS thuộc tổ 13, phường BM, thành phố LC: Tại nhà trạm và cột phát sóng phát hiện 06 sợi dây Feeder có đặc điểm như nhau, các đầu dây bị cắt bờ mép nham nhở. Khoảng cách từ 06 sợi dây bị cắt trên cột phát sóng đến 06 sợi dây bị cắt ở nhà trạm là 11m, tổng chiều dài là 66m.

Tại trạm BTS thuộc khu thương mại KT: Trên vách trạm và cột phát sóng phát hiện 03 dây Feeder tương ứng nhau bị cắt bờ nham nhở. Khoảng cách giữa hai đầu dây bị cắt qua thang đỡ dài 20m.

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của Tổng Công ty Cổ phần Công trình V trình bày về số lượng dây Feeder bị mất như các biên bản khám nghiệm hiện trường đã nêu và có nội dung: "...Hồi 21h05' ngày 25/9/2018, trạm BTS thuộc tổ 13, phường BM cảnh báo mất tín hiệu đường truyền. Kiểm tra phát hiện mất 04 dây Feeder, mỗi dây dài 12m, tổng cộng là 48m; sau đó chúng tôi đã thay thế toàn bộ... Vào hồi 23h16' ngày 03/10/2018, trạm BTS thuộc khu thương mại KT và hồi 22h00' ngày 06/10/2018, trạm BTS thuộc tổ 13, phường BM tiếp tục cảnh báo mất tín hiệu đường truyền. Toàn bộ số tài sản bị mất trên là tài sản của Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Q - BQP giao cho Tổng Công ty Cổ phần Công trình V khai thác, sử dụng...".

Tại các Biên bản khám nghiệm hiện trường là các trạm BTS của M do Cơ quan CSĐT Công an thành phố Lào Cai lập ngày 06, 07/10/2018 thể hiện:

Trạm BTS thuộc tổ 11, phường LC: Tại nhà trạm phát hiện 04 dây Feeder, phần đầu của mỗi dây có dấu vết cắt bờ mép nhám nhở. Kiểm tra cột thu, phát sóng, tại vị trí cách bệ bê tông 15m phát hiện 02 đoạn dây Feeder, tại vị trí cách bệ bê tông 24m, phát hiện 02 đoạn dây Feeder, đầu các đoạn dây có dấu vết cắt bờ mép nhám nhở. Số dây Feeder bị mất có tổng chiều dài 92m.

Trạm BTS thuộc tổ 17, phường BC: Tại nhà trạm và trên cột thu, phát sóng có 06 sợi dây Feeder bị cắt có bờ mép nhám nhở. Khoảng cách từ 06 sợi dây bị cắt ở nhà trạm đến 06 sợi dây bị cắt ở cột thu, phát sóng là 23m, tổng chiều dài là 138m.

Ngày 08/10/2018, Trung tâm mạng lưới M miền Bắc - Tổng Công ty viễn thông M có đơn trình báo về việc các trạm BTS bị mất số lượng dây Feeder như các biên bản khám nghiệm hiện trường đã nêu và có nội dung: "...Hồi 01h00' ngày 30/9/2018, trạm BTS BC 3 và hồi 22h00' ngày 05/10/2018, trạm BTS BP 2 cảnh báo mất tín hiệu đường truyền...".

Các Biên bản xác định hiện trường do Cơ quan CSĐT Công an thành phố Lào Cai lập ngày 10/10/2018 có nội dung:

Tại khu vực bãi đổ đất Công ty số 6 thuộc tổ 2, phường BM, thành phố LC phát hiện hai đám tro nhựa cháy màu đen, cách nhau 80m có diện 1 x 0,8m và 1,2 x 0,7m. Hoàng Văn T khai nhận đây là hai vị trí T và đồng bọn đốt dây cáp lấy trộm tại các trạm BTS vào ngày 25/9/2018 và ngày 06/10/2018.

Tại sân quán MC đã bị phá dỡ thuộc tổ 14, phường BC, thành phố LC phát hiện một đám tro nhựa đã cháy màu đen có diện 0,8 x 2m, Hoàng Văn T khai nhận đây là vị trí T và đồng bọn đốt dây cáp đã lấy tại trạm BTS BC và trạm BTS tại khu thương mại KT.

Tại khu vực đường đất cách đường đi vào bãi rác ĐT thuộc thôn 1, xã ĐT, thành phố LC 300m phát hiện một đám tro nhựa đã cháy màu đen có diện 0,8 x 0,9m. Hoàng Văn T khai nhận đây là vị trí T và đồng bọn đốt dây cáp đã trộm cắp tại trạm BTS thuộc tổ 11, phường LC vào ngày 05/10/2018.

Tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Văn T khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu và có nội dung: "... Do nghiện ma túy, được Bùi Văn B rủ rê nên từ ngày 25/9/2018 đến ngày 06/10/2018, bị cáo cùng với Bùi Văn B 05 lần trộm cắp dây Feeder tại các trạm BTS của V và M trên địa bàn thành phố LC, mang đi đốt lấy lõi đồng và bán cho anh Tạ Văn C với giá 100.000đ/kg, được tổng cộng 7.200.000đ. Số tiền này, bị cáo và Bùi Văn B đã chi tiêu cá nhân và mua ma túy sử dụng hết... Các lần thực hiện hành vi phạm tội, Bùi Văn B đều là người chuẩn bị dao, kìm và trực tiếp sử dụng để cắt các dây Feeder; bị cáo chỉ đứng canh giới và là người điều khiển xe mô tô BKS 24K8-3047 chở B đi tới các trạm BTS và mang lõi đồng đi bán... Khi bán lõi đồng, bị cáo và Bùi Văn B không nói cho người mua biết đây là tài sản do trộm cắp mà có... Chiếc

kìm, con dao và chiếc bật lửa dùng để đốt dây Feeder, khi bỏ chạy Bùi Văn B đã mang theo...”.

Tại cơ quan điều tra, người làm chứng Tạ Văn C khai có nội dung: “...Trong tháng 9 và tháng 10/2018, tôi đã nhiều lần mua dây đồng do Hoàng Văn T (sau này tôi mới biết tên) cùng 01 nam thanh niên mang đến với giá 100.000đ/kg... Thời gian mua vào buổi sáng các ngày 26, 30/9/2018, ngày 03 hoặc 04/10/2018, ngày 05 hoặc 06/10/2018 và đêm ngày 06/10/2018... Tôi không nhớ khối lượng từng lần mua, chỉ nhớ một lần 7kg, một lần 13kg, hai lần 14kg, và một lần 24kg. Tổng số tiền tôi trả họ là 7.200.000đ... Số đồng trên là loại đồng ống đã bị đốt vỏ ngoài, để trong bao tải; tôi đã bán cho một người phụ nữ tôi không biết rõ tên, địa chỉ. Khi mua, tôi không biết đây là tài sản có được do trộm cắp...”.

Các biên bản và kết luận định giá ngày 16/10/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố LC xác định: 48m dây cáp điện Feeder của V trị giá 3.456.000đ; 60m dây cáp điện Feeder của V trị giá 4.320.000đ; 66m dây cáp điện Feeder của V trị giá 4.752.000đ; 138m dây cáp Feeder của M trị giá 12.718.080đ; 92m dây cáp Feeder của M trị giá 8.478.720đ

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của Tổng Công ty Cổ phần Công trình V; và trong đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của Tổng Công ty Viễn thông M đều yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại theo kết quả định giá.

Quá trình điều tra, cơ quan CSĐT Công an thành phố Lào Cai đã thu giữ: 01 xe mô tô BKS 24K8-3047, 01 bao tải chứa 57 đoạn dây Feeder và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Goly. Ngày 19/10/2018, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Lào Cai đã bàn giao bao tải chứa 57 đoạn dây Feeder cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai để xử lý theo thẩm quyền. Ngày 10/3/2019, Viện kiểm sát quân sự Khu vực 22 đã trả lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Goly cho bị cáo Hoàng Văn T.

Đối với Bùi Văn B, do bỏ trốn nên Cơ quan Điều tra hình sự Khu vực 1 các Tổ chức sự nghiệp Bộ Quốc phòng đã ra quyết định truy nã bị can. Hết thời hạn điều tra không xác minh được bị can ở đâu nên đã ra quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự đối với bị can Bùi Văn B.

Tại Cáo trạng số 02/CT-VKS ngày 10 tháng 3 năm 2019, Viện kiểm sát quân sự Khu vực 22 truy tố Hoàng Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự (BLHS).

Luận tội tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm về tội danh, điều luật như Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo; đồng thời phân tích đánh giá

tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả vụ án, điều kiện, nguyên nhân phạm tội, nhân thân của bị cáo. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

- Về hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, điểm g khoản 1 Điều 52 “Phạm tội 02 lần trở lên”; Điều 58 BLHS, xử phạt bị cáo Hoàng Văn T từ 15 tháng đến 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/10/2018 đến ngày 28/12/2018. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự (BLDS), buộc bị cáo Hoàng Văn T phải bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của các bị hại, cụ thể: Bồi thường cho Tổng Công ty Cổ phần Công trình V số tiền 12.528.000đ; bồi thường cho Tổng Công ty Viễn thông M số tiền 21.196.800đ.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) tịch thu, sung quỹ nhà nước chiếc xe mô tô BKS 24K8-3047.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS và án phí dân sự sơ thẩm.

Tranh luận tại phiên tòa, người bào chữa cho rằng, bị cáo phạm tội lần đầu vì từ trước đến phiên tòa hôm nay, bị cáo chưa từng bị kết tội bằng một bản án nào của Tòa án nên chưa bị coi là tội phạm; khung hình phạt bị cáo bị truy tố quy định mức hình phạt cao nhất là 03 năm tù nên thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã tự khai ra hành vi phạm tội của mình, bị hại chỉ báo về việc mất tài sản chứ không biết việc đó là do bị cáo thực hiện; bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong việc xác minh nhân thân bị can Bùi Văn B, người mua dây đồng Tạ Văn C để làm sáng tỏ vụ án. Do đó, đề nghị HĐXX áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (TNHS) “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” theo điểm i, “Người phạm tội tự thú” theo điểm r, “Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án” theo điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS; xem xét hoàn cảnh bị cáo, mẹ đi lấy chồng khác từ năm bị cáo 13 tuổi, bị cáo phải ở cùng và có công chăm sóc người bác họ bị khuyết tật để quyết định hình phạt và xử phạt bị cáo mức án 12 tháng tù. Bị cáo chỉ có vai trò thứ yếu, do Bùi Văn B là người rủ rê thực hiện tội phạm; số tiền sau khi bán dây đồng đều do Bùi Văn B cầm và chi tiêu, mua ma túy; bị cáo chỉ được hưởng một phần nhỏ; do đó, đề nghị áp dụng Điều 587 BLDS chỉ buộc bị cáo bồi thường một phần thiệt hại theo yêu cầu của các bị hại.

Bị cáo đồng ý với lời bào chữa của người bào chữa.

Đại diện hợp pháp của Tổng Công ty Cổ phần Công trình V đồng ý với luận tội của Kiểm sát viên.

Đối đáp với ý kiến tranh luận của người bào chữa và bị cáo, Kiểm sát viên cho rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo tuy thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng bị cáo đã có 05 lần thực hiện hành vi phạm tội, luật quy định hành vi phạm tội chứ không phải quy định tội phạm lần đầu; việc bị cáo khai ra hành vi phạm tội của mình và đối tượng Bùi Văn B, người mua dây đồng Tạ Văn C là do cơ quan điều tra đấu tranh làm rõ; mặt khác, cơ quan điều tra đã tiếp nhận tin tố giác tội phạm của V và M từ trước khi bị cáo bị bắt, tình tiết “Người phạm tội tự thú” chỉ được áp dụng khi không có người tố giác tội phạm. Do đó, đề nghị HĐXX không chấp nhận ý kiến của người bào chữa và bị cáo cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo điểm i, điểm r, điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS; không chấp nhận ý kiến đề nghị mức hình phạt 12 tháng tù đối với bị cáo, vì mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; không chấp nhận áp dụng Điều 587 BLDS để buộc bị cáo chỉ phải bồi thường một phần thiệt hại, vì Bùi Văn B đã bỏ trốn, không có căn cứ để xác định lỗi của Bùi Văn B.

Lời nói sau cùng, bị cáo rất hối hận về hành vi vi phạm đã gây ra, xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi quyết định tố tụng của các Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, HĐXX thấy các hành vi, quyết định của cơ quan và người tiến hành tố tụng trong vụ án đều được thực hiện hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xác minh tại phiên tòa, HĐXX có đủ cơ sở nhận định: Để có tiền chi tiêu cá nhân và mua ma túy sử dụng; lợi dụng đêm tối vắng người qua lại, các trạm BTS đặt xa khu dân cư, không có người trông coi nên bị cáo đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Trong thời gian từ ngày 25/9/2018 đến ngày 06/10/2018, bị cáo đã 05 lần lén lút chiếm đoạt các dây cáp dẫn sóng Feeder tại các trạm BTS của Tổng Công ty cổ phần công trình V và

Tổng Công ty viễn thông M trên địa bàn thành phố LC, tỉnh Lào Cai. Trong đó, bị cáo đã 03 lần chiếm đoạt tổng cộng 174m dây Feeder của V trị giá 12.528.000đ; 02 lần chiếm đoạt tổng cộng 230m dây cáp Feeder của M trị giá 21.196.800đ. Sau mỗi lần chiếm đoạt, bị cáo đều mang số dây Feeder đi đốt lấy lõi đồng và bán cho ông Tạ Văn C làm nghề thu mua phế liệu với giá 100.000đ/kg, được tổng cộng 7.200.000đ. Tổng số dây Feeder bị cáo đã chiếm đoạt trị giá 33.724.800đ. Hành vi đó của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

[3] Đối với hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo tại các trạm BTS của M và V1 trên địa bàn huyện BX và huyện BT, tỉnh Lào Cai: Tài sản bị cáo đã chiếm đoạt không phải là tài sản của quân đội, đang được các cơ quan tiến hành tố tụng huyện BT và huyện BX giải quyết theo thẩm quyền; Cơ quan điều tra hình sự Khu vực 1 các Tổ chức sự nghiệp Bộ Quốc phòng chỉ tiếp nhận điều tra đối với các hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện trên địa bàn thành phố LC. Do đó, HĐXX không xem xét đối với các hành vi bị cáo thực hiện tại huyện BX và huyện BT, tỉnh Lào Cai.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo có tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn; xong đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của Nhà nước giao cho Quân đội và tổ chức quản lý, được pháp luật bảo vệ nên cần thiết phải đưa bị cáo ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[5] Xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, HĐXX thấy:

Bị cáo đã 05 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”; chưa có lần nào bị truy cứu TNHS và chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS. Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Tuy sau khi bị bắt về hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện BT, tỉnh Lào Cai, bị cáo mới khai ra các lần trộm cắp tài sản tại các trạm BTS trên địa bàn thành phố LC; trước đó cơ quan công an cũng đã tiếp nhận tin báo tố giác tội phạm xảy ra tại các trạm BTS này; nhưng thời điểm bị cáo tự khai, cơ quan công an chưa biết được bị cáo là người thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, căn cứ điểm h khoản 1 Điều 4 BLTTHS, HĐXX chấp nhận ý kiến của người bào chữa và bị cáo, cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS “Người phạm tội tự thú” quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 BLHS.

Hành vi phạm tội của bị cáo tuy thuộc trường hợp ít nghiêm trọng do mức hình phạt cao nhất của khung hình phạt đến 03 năm tù, nhưng bị cáo đã có 05

lần thực hiện hành vi phạm tội, đây là lần đầu tiên bị cáo bị xét xử chứ không phải lần đầu phạm tội, BLHS cũng quy định là “Phạm tội lần đầu” chứ không phải bị kết tội hay tội phạm lần đầu; việc bị cáo giúp cơ quan điều tra xác minh nhân thân đối tượng Bùi Văn B, người mua dây đồng Tạ Văn C để làm rõ vụ án chỉ được coi là “Thành khẩn khai báo” và đã được HĐXX xem xét. Do đó, HĐXX không chấp nhận ý kiến của bị cáo, người bào chữa đề nghị cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” và “Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án” quy định tại điểm i, điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS; ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ pháp luật.

Bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, ngày 28/9/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 12 tháng; tính đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã chấp hành xong. Tuy nhiên theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Luật xử lý vi phạm hành chính, bị cáo không được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính đối với vi phạm này.

Theo người bào chữa, từ năm 13 tuổi bị cáo đã phải sống cùng để chăm sóc người bác họ bị khuyết tật do mẹ bị cáo đi lấy chồng khác, đề nghị HĐXX xem xét tới hoàn cảnh này của bị cáo. HĐXX thấy, bị cáo thuộc đối tượng hộ nghèo theo hộ khẩu của bố dượng và mẹ bị cáo, chứ không phải theo hộ khẩu của người bác họ. Bị cáo phạm tội để lấy tiền mua ma túy sử dụng và chi tiêu cá nhân chứ không phải vì nhu cầu cơ bản nhất của cuộc sống, nên không có căn cứ để xem xét theo đề nghị của người bào chữa và bị cáo.

Căn cứ vào mục đích của hình phạt cũng như yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm, HĐXX thấy bị cáo có nhân thân xấu, phạm tội nhiều lần nên cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Xét hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bản thân bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Quá trình điều tra Bùi Văn B đã bỏ trốn, cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã bị can nhưng chưa có kết quả nên đã ra quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự đối với bị can Bùi Văn B, khi bắt được sẽ xử lý theo quy định của pháp luật. Do Bùi Văn B không bị xét xử và bị kết tội trong vụ án này, nên HĐXX không chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên áp dụng Điều 17, Điều 58 BLHS để quyết định hình phạt đối với bị cáo Hoàng Văn T.

[7] Trong vụ án này, ông Tạ Văn C 05 lần mua dây đồng của bị cáo nhưng không biết đây là tài sản do phạm tội mà có. Do đó, cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

[8] Về bồi thường thiệt hại:

Thiệt hại của Tổng Công ty Cổ phần Công trình V và Tổng Công ty Viễn thông M là do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nên bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi thường theo yêu cầu của các bị hại. Do Bùi Văn B đã bỏ trốn, không có căn cứ để xác định hành vi gây thiệt hại của Bùi Văn B nên HĐXX không chấp nhận ý kiến của bị cáo, người bào chữa đề nghị áp dụng Điều 587 BLDS để buộc bị cáo chỉ phải bồi thường một phần thiệt hại; ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ pháp luật. Khi nào Bùi Văn B bị bắt và bị xử lý, bị cáo có thể khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự để yêu cầu Bùi Văn B hoàn trả số tiền thuộc trách nhiệm bồi thường của Bùi Văn B.

Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 48 BLHS; các Điều 584, 585, 589 BLDS, buộc bị cáo Hoàng Văn T phải bồi thường cho các bị hại trị giá các dây Feeder theo kết luận định giá, trong đó: Bồi thường cho Tổng Công ty Cổ phần Công trình V số tiền 12.528.000đ; bồi thường cho Tổng Công ty Viễn thông M số tiền 21.196.800đ.

[9] Về xử lý vật chứng:

Đối với chiếc kìm, con dao được sử dụng để cắt các dây Feeder, chiếc bật lửa được dùng để đốt dây Feeder lấy lõi đồng: Đây là công cụ dùng vào việc phạm tội, do cơ quan điều tra không thu giữ được nên HĐXX không đặt ra vấn đề xử lý.

Đối với 01 bao tải chứa 57 đoạn dây Feeder, đây là tang vật của vụ án do cơ quan tố tụng huyện BT đang giải quyết; chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Goly không được bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. Do đó, việc xử lý của Cơ quan CSĐT Công an thành phố Lào Cai và Viện kiểm sát quân sự Khu vực 22 là đúng quy định của pháp luật, HĐXX không xem xét lại.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 24K8-3047 được bị cáo sử dụng để đi tới các trạm BTS, vận chuyển các dây Feeder mang đi bán nên được xác định là phương tiện phạm tội. Theo lời khai của bị cáo, bị cáo đã mua chiếc xe mô tô của một người không quen biết từ năm 2018; người đứng tên chủ sở hữu chiếc xe là anh Phạm Văn L khẳng định, anh L chỉ đứng tên đăng ký hộ một người đến làm thuê trong xã từ năm 2006, hiện nay không nhớ người đó là ai; Cơ quan CSĐT Bộ Công an cũng cung cấp, chiếc xe mô tô không phải vật chứng của vụ án nào nên lời khai của bị cáo là có cơ sở. Do đó, HĐXX căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước chiếc xe mô tô BKS 24K8-3047.

[10] Theo quy định tại khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo Hoàng Văn T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải bồi thường là: $(12.528.000 \text{ đồng} + 21.196.800\text{đ}) \times 5\% = 1.686.240 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên, căn cứ điểm g khoản 2 Điều 260 BLTTHS,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự

Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s, điểm r khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS, xử phạt Hoàng Văn T 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/10/2018 đến ngày 28/12/2018.

2. Về bồi thường thiệt hại

Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS; các Điều 584, 585, 589 BLDS, buộc bị cáo Hoàng Văn T:

- Bồi thường cho Tổng Công ty Cổ phần Công trình V số tiền 12.528.000 (mười hai triệu năm trăm hai mươi tám nghìn) đồng;

- Bồi thường cho Tổng Công ty Viễn thông M số tiền 21.196.800 (hai mươi một triệu một trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của BLDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu sung vào ngân sách nhà nước chiếc xe mô tô BKS 24K8-3047 (có đặc điểm như biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu ngày 10/10/2018 của Cơ quan CSĐT Công an thành phố LC).

4. Về án phí

Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS, bị cáo Hoàng Văn T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.686.240 (một triệu sáu trăm tám mươi sáu nghìn hai trăm bốn mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25/4/2019) đối với bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa và trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án quân sự Quân khu 2./.

Nơi nhận:

- TAQSTW;
- TAQSQK2;
- VKSQSQK2;
- VKSQSKV22;
- CQĐTHSKV1- Các TCSN-BQP;
- CQTHAHSQK2;
- Phòng THAQK2;
- Bị cáo T;
- Bị hại;
- Lưu: THAHS, HSVA; H13.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

4/ Nguyễn Bá Hùng